

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/DS-ST
Ngày 05-7-2017
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đỉnh
Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:
ông Trương Văn Sa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/7/2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2016/TLST-DS ngày 26/10/2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/QĐXX-ST ngày 29/05/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Minh S, sinh năm 1992; Có địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; Ông S có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Đồng Thanh Q, sinh năm 1979; Bà Bùi Thị T, sinh năm 1988; Có cùng địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; Ông Q, bà T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hoàng Minh S trình bày:

Vào đầu năm 2015 ông S có góp tiền làm ăn với vợ chồng ông Q, bà T với số tiền 260.000.000 đồng để mua hạt điều nhưng hai bên không làm hợp đồng mà chỉ ghi vào trong sổ tay của vợ chồng ông Q bà T là (*ông S có đưa 260.000.000 đồng để mua hạt mùa điều, hết mùa điều 2015 sẽ thanh toán*). Cụ thể

là ông Q bà T sẽ mua hạt điều để về nhập Công ty P, Tt P, huyện P, tỉnh Bình Phước Phía Công ty P sẽ chuyển khoản vào tài khoản của vợ chồng ông Q bà T.

Sau khi gần hết mùa điều thì vợ chồng ông Q bà T đã thanh toán cho ông S nhiều lần được tổng cộng 200.000.000 đồng, số tiền còn lại không thấy ông Q bà T thanh toán. Ông S đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Q trả tiền nhưng ông Q nói là công ty chưa chuyển tiền nên không có tiền trả cho ông S. Ông S yêu cầu xem hóa đơn chứng từ của công ty nhưng ông Q bà T không cho xem mà lại nói là đã cho cho người khác mượn và chưa đòi được tiền. Xin ông cho vay số tiền này và sẽ trả tiền gốc và lãi khi đến hạn. Ông S đồng ý và ông Q, bà T đã viết giấy vay nợ. Trong giấy nợ thể hiện ông Q bà T có nhận nợ ông S số tiền 60.000.000 đồng, chịu lãi theo lãi suất ngân hàng và hẹn đến ngày 15/3/2016 sẽ thanh toán cho ông S. Người viết nội dung trong giấy nợ là bà T, cuối giấy nợ bà T và ông Q cùng ký.

Đến hạn trả nợ không thấy ông Q bà T thanh toán nên ông S làm đơn ra UBND xã M yêu cầu giải quyết buộc ông Q bà T trả nợ nhưng ông Q bà T không tham gia hòa giải dẫn đến nên ông S làm đơn khởi kiện ra Tòa án Chơn Thành. Yêu cầu Tòa án buộc ông Đồng Thanh Q và bà Bùi Thị T có trách nhiệm thanh toán cho ông S số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 05/05/2015 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,95%/tháng.

Tại phiên Tòa hôm nay ông S thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình, trong đó tiếp tục yêu cầu trả nợ gốc 60.000.000 đồng; Về tiền lãi yêu cầu thay đổi về tiền lãi trong đó chỉ yêu cầu tính tiền lãi chậm trả từ ngày 16/3/2016 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án nhưng với mức lãi suất là 0,75%/tháng. Nguyên đơn không bổ sung chứng cứ mới, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – ông Đồng Thanh Q và bà Bùi Thị T trình bày:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đồng Thanh Q, bà Bùi Thị T để ông Q, bà T biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên ông Q bà T không có mặt theo giấy triệu tập, không tham gia phiên họp, hòa giải và cung cấp chứng cứ, vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, nguyện vọng, yêu cầu của ông Q, bà T. Tại phiên Tòa hôm nay ông Q, bà T tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Sang đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 234 của của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt. Xét thấy việc các bị đơn vắng mặt không thực hiện quyền nghĩa vụ của mình là tự các bị đơn từ bỏ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S buộc ông Q bà T phải trả cho ông S 60.000.000 đồng trong giấy nhận nợ; Về tiền lãi: Đề nghị chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông S. Buộc ông Q bà T phải trả lãi do chậm nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 16/3/2016 với mức lãi xuất là 0.75%/tháng cho đến khi có quyết định, bản án của Tòa án; Về án phí: Căn cứ vào các quy định của pháp luật, đề nghị hoàn trả tạm ứng án phí cho ông S, buộc ông Q bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Theo nội dung vụ án cho thấy ông Hoàng Minh S có góp tiền để mua hạt điều cùng với ông Q bà T với điều khoản kết thúc mùa điều 2015 ông Q bà T phải trả cho ông S tiền gốc và tiền lãi. Kết thúc quá trình mua bán ông Q bà T đã trả cho ông S được 200.000.000 đồng còn nợ lại 60.000.000 đồng nợ gốc. Để giải quyết vụ việc các bên đương sự đã thống nhất chuyển thành nợ trong hợp đồng vay tài sản trong đó ông Q bà T vay nợ ông S số tiền nợ 60.000.000 đồng và hứa trả cả tiền gốc và tiền lãi vào ngày 15/3/2016 với mức lãi xuất theo lãi xuất của ngân hàng Nhà nước. Đến hạn trả nợ do ông Q bà T không trả nợ, nên ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp. Như vậy

Tòa án có đủ cơ sở để xác định tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp về dân sự và quan hệ pháp luật dân sự tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Do tranh chấp về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự và khi giải quyết Tòa án có quyền giải quyết là Tòa án nhân dân cấp huyện; Các bị đơn là bà T, ông Q có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3]. *Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện*: Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn cùng chứng cứ là giấy hẹn nợ thì các bên thống nhất đến ngày 15/3/2016 ông Q, bà T phải trả tiền lãi và tiền gốc cho ông S. Tuy nhiên sau đó ông Q, bà T không thực hiện trả nợ như những gì các bên đã cam kết. Ngày 15/10/2016 ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào Điều 4, Điều 186, Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 427 của Bộ luật dân sự 2005 thì việc khởi kiện của ông S là đúng quyền và là trong thời hiệu khởi kiện.

[4]. *Về người tham gia tố tụng, sự tuân thủ pháp luật của các đương sự*:

Do ông S có đơn khởi kiện, ông Q bà T là người bị khởi kiện tranh chấp nên Tòa án xác định ông S là nguyên đơn, ông Q bà T là bị đơn theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Tại phiên Tòa hôm nay ông S không bổ sung chứng cứ mới, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Ông Q, bà T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng một cách hợp lệ nhưng không tuân thủ theo các thông báo, yêu cầu và triệu tập. Xét thấy việc vắng mặt, không tuân thủ pháp luật tố tụng của bà T, ông Q là tự ông Q, bà T thực hiện, tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn ông Đồng Thanh Q bà Bùi Thị T mặc dù đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Q bà T là đúng quy định.

[5]. *Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông S*:

Tại phiên tòa hôm nay ông S thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình, trong đó tiếp tục giữ nguyên yêu cầu trả nợ gốc 60.000.000 đồng; Về tiền lãi yêu cầu thay đổi về tiền lãi trong đó chỉ yêu cầu ông Q, bà T phải trả tiền lãi do chậm trả từ ngày 16/3/2016 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,75%/tháng.

Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S là trong phạm vi khởi kiện ban đầu và có lợi cho bị đơn là ông Q, bà T. Căn cứ vào Điều 243 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án chấp nhận và xem xét giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện đã được thay đổi tại phiên tòa

[6]. *Về yêu cầu khởi kiện của ông S đối với số tiền nợ 60.000.000 đồng:*

Ông S cho rằng ông Q bà T nợ ông S số tiền 260.000.000 đồng từ khoảng sau tháng 4/2015. Sau đó ông Q bà T đã nhiều lần trả cho ông S cho đến khi số nợ còn lại là 60.000.000 đồng thì không trả nữa. Để giải quyết vụ việc các bên đã thống nhất ông S sẽ cho bà T, ông Q vay số tiền 60.000.000 đồng này và ông Q, bà T phải trả tiền lãi và tiền gốc vào ngày 15/3/2016 với mức lãi xuất theo lãi xuất của ngân hàng Nhà nước. Đến hạn trả nợ ông Q, bà T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết dẫn đến ông S phải làm đơn nhờ chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành do ông Q bà T không tham gia và cuối cùng phải khởi kiện ra Tòa án. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông S là giấy hẹn nợ viết tay không ghi ngày vay nhưng có ghi ngày trả là ngày 15/3/2016 của người viết giấy là bà Bùi Thị T, ông Đồng Thanh Q; đơn thưa ngày 23/6/2016 có xác nhận của ấp trưởng ấp 1, xã Minh Thắng; Các biên bản hòa giải ngày 07/7/2016, ngày 20/7/2016 của Ban hòa giải xã Minh Thắng; Báo cáo số 105/BC-BHG ngày 29/9/2016 của Ban hòa giải xã Minh Thắng.

Về phía ông Q, bà T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án để làm việc, thông báo họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Q bà T không có ý kiến phản hồi, không có yêu cầu phản tố cũng không đưa ra các chứng cứ, tài liệu để chứng minh bảo vệ quyền lợi của mình.

Như vậy, căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự; Chứng cứ chứng minh do nguyên đơn giao nộp và đã được Tòa án tiến hành kiểm tra xem xét công khai tại phiên tòa cùng các kết quả tranh tụng khác. Tòa án có đủ cơ sở để kết luận giữ ông S với ông Q bà T còn tồn tại quan hệ vay tài sản trong đó căn cứ xác lập là giấy hẹn nợ do ông S cung cấp. Giấy hẹn nợ này đã được ông Q bà T ký xác nhận. Tuy thời điểm các bên thống nhất thỏa thuận cho nhau vay mượn tài sản là không

xác định được do các bên đương sự không ghi nhận nhưng trong giấy vay nợ có thể hiện rõ ràng số tiền nợ là 60.000.000 đồng, thời điểm trả nợ là ngày 15/3/2016. Tại phiên tòa hôm nay ông S tiếp tục yêu cầu ông Q bà T trả nợ gốc trong khi ông Q bà T vắng mặt không nộp văn bản thể hiện ý kiến hay chứng cứ chứng minh đã trả nợ nên Tòa án căn cứ vào Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của ông S, buộc bà T, ông Q có trách nhiệm trả nợ cho ông S 60.000.000 đồng nợ gốc.

[8]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông S về yêu cầu bị đơn – ông Q bà T phải trả tiền lãi do chậm trả từ ngày 16/3/2016 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,75%/ tháng:*

Căn cứ chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa cho thấy thời hạn trả nợ ngày 15/3/2016 nên ngày 16/3/2016 được xác định là ngày bắt đầu vi phạm thời hạn trả nợ. Tính đến ngày hôm nay 05/7/2017 thời gian ông Q bà T đã vi phạm nghĩa vụ là 15 tháng 19 ngày. Mặc dù trong thỏa thuận ghi nợ các bên không xác định rõ ràng về mức lãi do các bên chỉ ghi chung chung là lãi đóng theo ngân hàng Nhà nước. Nhưng như vậy cũng đủ cơ sở để Tòa án xác định trường hợp vay tài sản giữa ông S với ông Q bà T là vay có lãi.

Tại khoản 5 điều 471 của Bộ luật tố tụng dân sự có quy định "*Trong trường hợp vay có lãi a hạn bên vay không trả hoặc không trả đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi xuất của Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vào thời điểm trả nợ*". Tại quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/ 11/ 2010 của Thống đốc ngân hàng nhà nước quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam được áp dụng kể từ ngày 01/12/2010 đến nay thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 09%/năm (tương ứng 0,75%/tháng, 0.025/ngày). Do đó ông S yêu cầu mức lãi xuất trả 0.75%/tháng là đúng với quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

Như vậy số tiền lãi xuất chậm trả tính từ ngày 16/3/2016 đến ngày 05/7/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) là: $(60.000.000 \text{ đồng nợ gốc} \times 0.75\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng}) + (60.000.000 \text{ đồng nợ gốc} \times 0.025\%/\text{ngày} \times 19 \text{ ngày}) = 7.035.000 \text{ đồng}$.

[9]. Căn cứ vào các nhận định tại mục [7] và [8] Tòa án nhận thấy tổng số tiền ông Q, bà T có nghĩa vụ trả cho ông S là 60.000.000 đồng nợ gốc + 7.035.000 đồng nợ lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ = 67.035.000 đồng.

[10]. Các kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa đối với nội dung vụ án là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do các yêu cầu của ông S là có cơ sở, được Tòa án chấp thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông S 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp theo biên lai số 0008372 ngày 26/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành.

Do các yêu cầu khởi kiện của ông S với ông Q, bà T là có cơ sở, được Tòa án chấp thuận. Cú vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Q Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $67.035.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.351.750 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 4, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 186, điểm c, Điều 218, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, Điều 472, Điều Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh S. Buộc ông Đồng Thanh Q, bà Bùi Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Minh S 67.035.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả ông S 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp theo biên lai số 0008372 ngày 26/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành.

Ông Q, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $67.035.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.351.750 \text{ đồng}$.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Quốc Khánh